



CÔNG TY CP-TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
TRUNG TÂM QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

ĐC: Số 138 - Đường Lý Tự Trọng - Phường Thủ Dầu Một - TP. Hồ Chí Minh
ĐT TTQLCLN: 0274.3883522 – Fax: 0274.3883522
Website: www.biwase.com.vn Email: ptnctnmth@biwase.com.vn



VILAS 817

BẢNG KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: NC 01/08.04.2026
Ngày phát hành kết quả: 13/04/2026

- Tên khách hàng: Công ty TNHH MTV Nước Biwase Bình Phước
- Tên mẫu: Nước sau xử lý - Bể chứa
- Địa chỉ: Tổ 1, khu phố Mỹ Hưng, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai.
- Ngày nhận mẫu 08/04/2026 Ngày phân tích: 08/04/2026
- Tình trạng mẫu: Mẫu chứa trong bình 2L và chai thủy tinh khử trùng 500mL, nước trong, không màu.

Số TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm
1	Coliform tổng số*	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	< 1	0
2	E. coli*	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	< 1	0
3	Clo dư tự do	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0,2 – 1,0	0,35
4	Độ đục*	NTU	SMEWW 2130-B:2023	≤ 2	0,18
5	Màu sắc	Pt-Co	TCVN 6185:2015	≤ 15	0
6	Mùi	-	Cảm quan	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,33
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	HACH Method 8038	≤ 1	0,05
9	Permanganat*	mg/L	TCVN 6186:1996	≤ 2	0,26
10	Mangan (Mn)*	mg/L	HACH Method 8149	≤ 0,1	KPH (LOD: 0,02 mg/L)
11	Nhôm (Aluminium) (Al)*	mg/L	HACH Method 8012	≤ 0,2	0,07
12	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	HACH Method 8008	≤ 0,3	0,02
13	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	Dầu dò cảm biến	≤ 1000	43

* Ghi chú:
+ QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.
+ KPH: Không phát hiện.

- + Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm thử.
- + Thời gian lưu mẫu 3 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- + (*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận.

Quản lý chất lượng



Trần Thanh Trúc



Giám Đốc

Mai Thị Đẹp



CÔNG TY CP-TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
TRUNG TÂM QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

ĐC: Số 138 - Đường Lý Tự Trọng - Phường Thủ Dầu Một - TP. Hồ Chí Minh
ĐT TTQLCLN: 0274.3883522 – Fax: 0274.3883522
Website: www.biwase.com.vn Email: ptnctnmtb@gmail.com



BẢNG KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VILAS 817

Mã số mẫu: NC 02/08.04.2026
Ngày phát hành kết quả: 13/04/2026

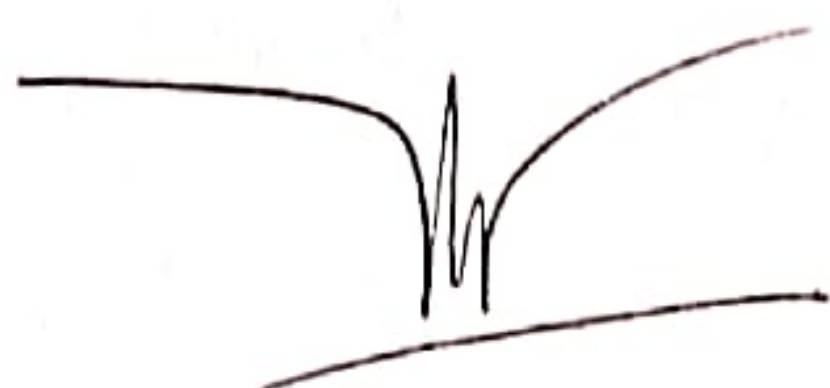
- Tên khách hàng: Công ty TNHH MTV Nước Biwase Bình Phước
- Tên mẫu: Nước sau xử lý
- Địa chỉ: Công ty CPV Food, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai.
- Ngày nhận mẫu: 08/04/2026 Ngày phân tích: 08/04/2026
- Tình trạng mẫu: Mẫu chứa trong bình 2L và chai thủy tinh khử trùng 500mL, nước trong, không màu.

Số TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm
1	Coliform tổng số*	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	< 1	0
2	E. coli*	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	< 1	0
3	Clo dư tự do	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0,2 – 1,0	0,3
4	Độ đục*	NTU	SMEWW 2130-B:2023	≤ 2	0,18
5	Màu sắc	Pt-Co	TCVN 6185:2015	≤ 15	0
6	Mùi	-	Cảm quan	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,5
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	HACH Method 8038	≤ 1	0,05
9	Permanganat*	mg/L	TCVN 6186:1996	≤ 2	0,26
10	Mangan (Mn)*	mg/L	HACH Method 8149	≤ 0,1	KPH (LOD: 0,02 mg/L)
11	Nhôm (Aluminium) (Al)*	mg/L	HACH Method 8012	≤ 0,2	0,11
12	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	HACH Method 8008	≤ 0,3	KPH (LOD: 0,02 mg/L)
13	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	Đầu dò cảm biến	≤ 1000	65

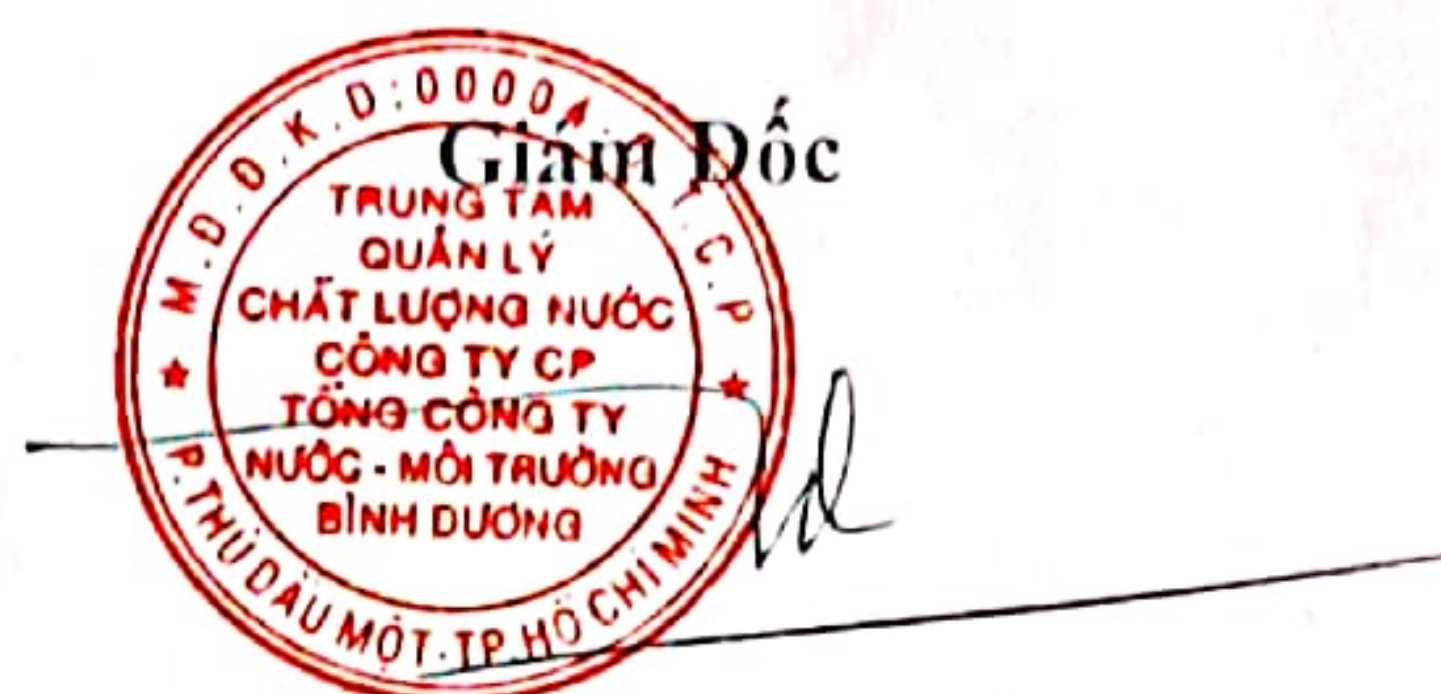
* Ghi chú:
+ QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.
+ KPH: Không phát hiện.

- + Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm thử.
- + Thời gian lưu mẫu 3 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- + (*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận.

Quản lý chất lượng



Trần Thanh Trúc



Mai Thị Đẹp



CÔNG TY CP-TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
TRUNG TÂM QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC
ĐC: Số 138 - Đường Lý Tự Trọng - Phường Thủ Dầu Một - TP. Hồ Chí Minh
ĐT TTQLCLN: 0274.3883522 – Fax: 0274.3883522
Website: www.biwase.com.vn Email: ptnctnm@biwase.com.vn



BẢNG KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: NC 03/08.04.2026
Ngày phát hành kết quả: 13/04/2026

- Tên khách hàng: Công ty TNHH MTV Nước Biwase Bình Phước
- Tên mẫu: Nước sau xử lý
- Địa chỉ: Đường D1, KCN Becamex khu A, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai.
- Ngày nhận mẫu 08/04/2026 Ngày phân tích: 08/04/2026
- Tình trạng mẫu: Mẫu chứa trong bình 2L và chai thủy tinh khử trùng 500mL, nước trong, không màu.

Số TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm
1	Coliform tổng số*	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	< 1	0
2	E. coli*	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	< 1	0
3	Clo dư tự do	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0,2 – 1,0	0,3
4	Độ đục*	NTU	SMEWW 2130-B:2023	≤ 2	0,11
5	Màu sắc	Pt-Co	TCVN 6185:2015	≤ 15	0
6	Mùi	-	Cảm quan	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,61
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	HACH Method 8038	≤ 1	0,05
9	Permanganat*	mg/L	TCVN 6186:1996	≤ 2	0,26
10	Mangan (Mn)*	mg/L	HACH Method 8149	≤ 0,1	KPH (LOD: 0,02 mg/L)
11	Nhôm (Aluminium) (Al)*	mg/L	HACH Method 8012	≤ 0,2	0,11
12	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	HACH Method 8008	≤ 0,3	KPH (LOD: 0,02 mg/L)
13	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	Đầu dò cảm biến	≤ 1000	57

* Ghi chú:
+ QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.
+ KPH: Không phát hiện.

- + Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm thử.
- + Thời gian lưu mẫu 3 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- + (*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận.

Quản lý chất lượng



Trần Thanh Trúc

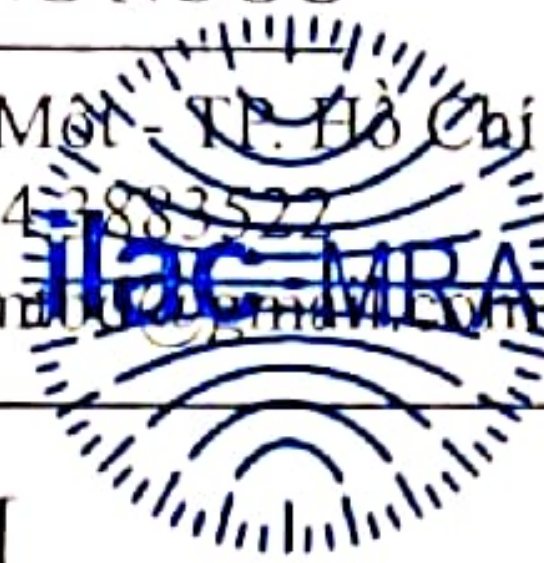


Mai Thị Đẹp



CÔNG TY CP-TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
TRUNG TÂM QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

ĐC: Số 138 - Đường Lý Tự Trọng - Phường Thủ Dầu Một - TP. Hồ Chí Minh
ĐT TTQLCLN: 0274.3883522 – Fax: 0274.3883522
Website: www.biwase.com.vn Email: ptnctnnh@biwase.com.vn



BẢNG KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VILAS 817

Mã số mẫu: NC 04/08.04.2026
Ngày phát hành kết quả: 13/04/2026

- Tên khách hàng: Công ty TNHH MTV Nước Biwase Bình Phước
- Tên mẫu: Nước sau xử lý
- Địa chỉ: Đường D1B, KCN Becamex khu B, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai.
- Ngày nhận mẫu 08/04/2026 Ngày phân tích: 08/04/2026
- Tình trạng mẫu: Mẫu chứa trong bình 2L và chai thủy tinh khử trùng 500mL, nước trong, không màu.

Số TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 01-1:2024/BYT	Kết quả thử nghiệm
1	Coliform tổng số*	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	< 1	0
2	E. coli*	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	< 1	0
3	Clo dư tự do	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0,2 – 1,0	0,3
4	Độ đục*	NTU	SMEWW 2130-B:2023	≤ 2	0,13
5	Màu sắc	Pt-Co	TCVN 6185:2015	≤ 15	0
6	Mùi	-	Cảm quan	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH*	-	TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,49
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	HACH Method 8038	≤ 1	0,05
9	Permanganat*	mg/L	TCVN 6186:1996	≤ 2	0,26
10	Mangan (Mn)*	mg/L	HACH Method 8149	≤ 0,1	KPH (LOD: 0,02 mg/L)
11	Nhôm (Aluminium) (Al)*	mg/L	HACH Method 8012	≤ 0,2	0,09
12	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	HACH Method 8008	≤ 0,3	KPH (LOD: 0,02 mg/L)
13	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	Đầu dò cảm biến	≤ 1000	65

* Ghi chú:
+ QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.
+ KPH: Không phát hiện.

- + Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm thử.
- + Thời gian lưu mẫu 3 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- + (*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận.

Quản lý chất lượng**Trần Thanh Trúc****Mai Thị Đẹp**